TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 43 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2024;
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và tài sản".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh Phóc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST- HNGĐ ,ngày 23 tháng 12 năm 2022, về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Dương Thị C , sinh năm 1972.
Trú tại: Số H10/14, Kiệt 85, đường L, phường H, quận L, thành phố Đ; có mặt.
-Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1969.
Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q; có mặt.
Đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q, ngày 01/6/1994.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị C trình bày:

Ngày 01tháng 6 năm 1994 bà C kết hôn với ông Phan Văn H tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, bà C về chung sống với ông H tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q. Khoảng 18 năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, hằng ngày ông H ngoài đi làm ruộng còn đi làm thêm để có thu nhập cho gia đình, còn bà C ngoài phụ chồng làm ruộng thì buôn bán thêm trái cây ở chợ H. Đến tháng 5 năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông H nghi ngờ bà C có tình cảm với em V làm

nghề sửa chữa điện thoại ở chợ H, ông H thường xuyên có hành vi đánh đập bà C. Nhiều lần ông H uống rượu về lấy dao kề cổ bà C đòi giết. Trước sự vũ phu của chồng và lo sợ tính mạng mình nên trong một lần bị đánh vào tháng 5 năm 2012, bà C đành ôm con nhỏ là cháu Phan Thị Quỳnh N trốn ra khỏi nhà trong đêm. Sau khi trốn khỏi nhà bà C đến nhà người quen ở Đ lánh nạn sau đó bà C đi làm thuê sinh sống và tạm trú tại phường H, quận L, thành phố Đ từ tháng 5 năm 2012 cho đến nay. Được khoảng 01 tháng, ông H vào Đ và ôm cháu Phan Thị Quỳnh N về quê. Sau đó, nhiều lần bà C về quê thăm con nhưng ông H vẫn hăm dọa và có hành vi đánh đập bà C nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2012 cho đến nay. Bà C thấy rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân của không đạt được, không thể hòa hợp để cùng chung sống với nhau. Nay bà C làm đơn xin ly hôn với ông Phan Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Phan Xuân N, sinh ngày 02/12/1994; Phan Thị H, sinh ngày 10/01/1997. Hiện các con N, H đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 18/4/2007, hiện là học sinh; bà C xin nhận nuôi cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu ông H đóng góp phí tổn nuôi con; nếu con ở với ông H bà C xin được cấp dưỡng để nuôi con cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông H và bà C đã tạo lập được một số tài sản sau:

- Về đất: Ông H và bà C được quyền sử dụng thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 44, diện tích: 852m² (Tám trăm năm mươi hai mét vuông), mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 250m², đất trồng. cây hàng năm khác 602 ㎡. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q. Thửa đất trên được UBND huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Phan Văn H, Dương Thị C, số vào sổ cấp GCN: CH01513 ngày 19/10/2017. Thửa đất nêu trên nay đã tách thành hai thửa:

-Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,9m^2 đất ở nông thôn, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979278 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Trên đất không có tài sản gì.

-Thửa đất thứ 2: Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 44, diện tích 646,1m^2 đất ở nông thôn, trong đó: 304,1 m^2 , đất trồng cây hằng năm 342m^2, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979280 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

- Về nhà ở: Trên thửa đất 474 có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 70m² gắn liền với thửa đất trên. Hiện ngôi nhà này đã được ông H tháo dỡ để xây lại ngôi nhà mới vào năm 2017 nên về nhà bà C không yêu cầu Tòa án phân chia chia vì là

tài sản của ông H, bà C nhất trí giao nhà cho ông H sở hữu. Ngoài ra không có tài sản nào khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, bà C xin được quyền sử dụng đất: Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,9m^2 đất ở nông thôn, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979278 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C; giao cho ông Hằng sở hữu thửa đất số 474, tờ bản đồ số 44, diện tích 646,1m ^{2} đất ở nông thôn, trong đó: 304,1 m^2 , đất trồng cây hằng năm 342m^2, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979280 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C; không yêu cầu ông H trả tiền chênh lệch giá trị của hai thửa đất.

Bị đơn ông Phan Văn H trình bày: Ngày 01tháng 6 năm 1994 bà C kết hôn với ông Phan Văn H tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, bà C về chung sống với anh H tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q.Ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bà C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, đã bỏ nhà ra đi 11 năm nay, hai vợ chồng sống ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau, nhưng nguyện vọng ông H muốn vợ chồng khắc phục những thiếu sót để vợ chồng về sống đoàn tụ. Nếu bà C kiên quyết xin ly hôn thì ông H cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Phan Xuân N, sinh ngày 02/12/1994; Phan Thị H, sinh ngày 10/01/1997. Hiện các con N, H đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 18/4/2007, nếu ly hôn ông H xin nhận nuôi cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu bà C đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã tạo lập được một số tài sản sau:

- Về đất: Ông H và bà C được quyền sử dụng thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 44, diện tích: 852m² (Tám trăm năm mươi hai mét vuông), mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 250m², đất trồng. cây hàng năm khác 602㎡. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q. Thửa đất trên được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Phan Văn H và Dương Thị C, có số vào sổ cấp GCN: CH01513 ngày 19/10/2017.Thửa đất nêu trên nay đã tách thành hai thửa:

+Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,9m^2 đất ở nông thôn, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979278 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

+Thửa đất thứ 2: Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 44, diện tích 646,1m ^{2} đất ở nông thôn, trong đó: 304,1 m^2 , đất trồng cây hằng năm 342m^2, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979280 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C. Thửa đất số 473 ông H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, nhưng ông H không biết họ tên, địa chỉ cư trú của người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hai bên không lập Hợp đồng chuyển nhượng đất mà chỉ giao dịch bằng miệng; bà C không tham gia việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 473.

- Về nhà ở: Trước đây trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 70m² gắn liền với thửa đất nay là thửa 474. Ngôi nhà này ông H đã tháo dở để xây lại ngôi nhà mới hai tầng vào năm 2017, ngôi nhà hai tầng hiện nay là của ông H tự xây dựng, đầu tư, bà C hoàn toàn không có công sức, đóng góp gì nên là tài sản riêng của ông H, ông H có quyền sở hữu ngôi nhà, đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra ông H và bà C không có tài sản chung nào khác, nên không yêu cầu Tòa án định giá và giải quyết.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chổ và Biên bản định giá tài sản ngày 15/8/2023, kết quả như sau:

-Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,9m^2 đất ở nông thôn, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979278 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Phía Bắc giáp đất trồng lúa, kích thước 23,06 m.
Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 9 m.
Phía Nam giáp thửa đất 474, kích thước 22,81 m.
Phía Tây giáp thửa đất 456, kích thước 8,97 m.
Trị giá 41.797.700 đồng.
Trên đất không có tài sản gì.

-Thửa đất thứ 2: Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 44, diện tích 646,1m^2 đất ở nông thôn, trong đó: 304,1 m^2 , đất trồng cây hằng năm 342m^2, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979280 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Phía Bắc giáp thửa đất 473, kích thước 22,81 m.
Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 28,42 m.
Phía Nam giáp đường giao thông, kích thước 21,49 m.
Phía Tây giáp thửa đất 456, kích thước 30,3 m.

Giá trị đất ở: 61.732.300 đồng;

Giá trị đất vườn: 11.970.000 đồng.

Cộng giá trị đất: 73.702.300 đồng.

Tổng trị giá của cả hai thửa đất: 41.797.700 đồng+73.702.300 đồng=115.500.000 đồng.

Trên thửa đất 474 có 01 ngôi nhà hai tầng xây kiên cố, rộng 9m, dài 14,5m ; trước nhà có 01 rạp mát. Đây là ngôi nhà ông H tự xây dựng, bà C không có đóng góp gì (lúc đã ly thân); ông H và bà C thừa nhận; bà C chỉ yêu cầu được sở hữu thửa đất 473, không yêu cầu phân chia tài sản nào khác, bà C nhất trí giao toàn bộ ngôi nhà cho ông H sở hữu không yêu cầu phân chia ngôi nhà; cả ông H và bà C không yêu cầu định giá ngôi nhà, nên Hội đồng định giá không định giá ngôi nhà và tài sản nào khác theo yêu cầu của các đương sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Về tình cảm: Tuyên cho bà Dương Thị C được ly hôn ông Phan Văn H.

Về con chung: Giao con Phan Thị Quỳnh N cho ông Phan Văn H chăm sóc nuôi dưỡng, bà C không phải đóng góp phí tổn nuôi con vì ông H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Giao cho bà Dương Thị C quyền sử dụng đất thửa 473; giao cho ông Phan Văn H quyền sử dụng đất thửa 474 và sở hữu ngôi nhà trên đất (nêu trên). Ông H và bà C không có tài sản chung nào khác, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Bà C và ông Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa Bà Dương Thị C và ông Phan Văn H là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị C và ông Phan Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q , ngày 01/6/1994, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông, bà sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được; bà C và ông H ly thân đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, xử cho bà C được ly hôn ông H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà C và ông H có 03 con chung là: Phan Xuân N, sinh ngày 02/12/1994; Phan Thị H, sinh ngày 10/01/1997. Hiện các con N, H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; con Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 18/4/2007, từ trước tới nay ở với ông H, ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, nay cũng sắp đến tuổi trưởng thành; Tòa án đã yêu cầu ông H và bà C hướng dẫn cho cháu N làm đơn xin được ở với bố hoặc với mẹ nhưng bà C và ông H không cung cấp được vì cháu N đang đi học ở xa; ông H xin nhận nuôi cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu bà C đóng góp phí tổn nuôi con; chấp nhận yêu cầu của ông H được nuôi cháu N là

có cơ sở, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế để tạo điều kiện cho cháu N ổn định tâm lý, sinh sống và học tập.

[4] Về tài sản chung:

-Xét thấy các loại tài sản chung các đương sự trình bày và yêu cầu phân chia đúng như kết quả xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản, Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật đáng lẽ theo nguyên tắc chia đôi trị giá, trả tiền chênh lệch giá trị tài sản, nhưng trong vụ án này nguyên đơn khởi kiện xin được hưỡng quyền sử dụng đất thửa 473 (đang để trống); không yêu cầu giải quyết, phân chia tài sản nào khác; các đương sự không yêu cầu trả tiền chênh lệch giá trị hai thửa đất 473 và 474, cần chấp nhận nguyên tắc tự định đoạt và phạm vi yêu cầu của đương sự, nên không xét.

-Xét về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

Ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 473 cho người khác:

+Không có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

+Không có sự tham gia giao dịch, ý kiến của bà C vì bà C cùng có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+Không cung cấp được họ tên, địa chỉ,nơi cư trú cụ thể của người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

+Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 473, từ trước, sau khi thụ lý vụ án cho đến nay trong cả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 473 và 474 không có ghi biến động, thay đổi hay giao dịch gì.

+Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chổ và định giá thửa đất 473 vẫn tồn tại, đang để hoang, chưa xây dựng hay trồng trọt gì (không có tài sản gì trên đất, ranh giới, kích thước rõ ràng).

Có cơ sở kết luận lời nại ra của ông H không có cơ sở, nên không xem xét.

Xét đến thực tế điều kiện, hoàn cảnh, công sức đóng góp trong gia đình của bà C, ông H; yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với những đánh giá nêu trên và để thuận lợi cho việc thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, có căn cứ phân chia tài sản chung của bà C và ông H như sau:

***** Bà Dương Thị C được hưỡng quyền sử dụng đất: Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,9m^2 đất ở nông thôn, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979278 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Phía Bắc giáp đất trồng lúa, kích thước 23,06 m.
Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 9 m.
Phía Nam giáp thửa đất 474, kích thước 22,81 m.

Phía Tây giáp thửa đất 456, kích thước 8,97 m.
Trị giá 41.797.700 đồng.
Trên đất không có tài sản gì.

*** Ông Phan Văn H được sở hữu những tài sản sau đây**:

-*Về đất:* : Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 44, diện tích 646,1m ^{2} đất ở nông thôn, trong đó: 304,1 m^2 , đất trồng cây hằng năm 342m^2, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979280 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Phía Bắc giáp thửa đất 473, kích thước 22,81 m.
Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 28,42 m.
Phía Nam giáp đường giao thông, kích thước 21,49 m.
Phía Tây giáp thửa đất 456, kích thước 30,3 m.

Giá trị đất ở: 61.732.300 đồng;

Giá trị đất vườn: 11.970.000 đồng.

Cộng giá trị đất: 73.702.300 đồng.

-*Về tài sản trên đất*: 01 ngôi nhà hai tầng xây kiên cố, rộng 9m, dài 14,5m ; trước nhà có 01 rạp mát.

[5]. Về án phí: Bà C chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm; bà C và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mỗi người được hưởng để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, Điều 33, khoản 3 Điều 45, khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 1 Điều 60, Điều 62, Điều 63, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, bà Dương Thị C được ly hôn ông Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao con Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 18/4/2007 cho ông Phan Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 (mười tám) tuổi; bà C không phải đóng góp phí tổn nuôi con cho ông H.

Cấm ông H ngăn cản bà C việc thăm nom và chăm sóc con chung.

3.Về tài sản chung:

*** Bà Dương Thị C được hưởng quyền sử dụng đất**: Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 44, diện tích 205,9m ^{2} đất ở nông thôn, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979278 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Phía Bắc giáp đất trồng lúa, kích thước 23,06 m.
Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 9 m.
Phía Nam giáp thửa đất 474, kích thước 22,81 m.
Phía Tây giáp thửa đất 456, kích thước 8,97 m.
Trị giá 41.797.700 đồng.
Trên đất không có tài sản gì.

*** Ông Phan Văn H được sở hữu những tài sản sau đây**:

-*Về đất:* Thửa đất số 474, tờ bản đồ số 44, diện tích 646,1m ^{2} đất ở nông thôn, trong đó: 304,1 m^2, đất trồng cây hằng năm 342m^2, tại thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 979280 ngày 28/12/2022 mang tên Phan Văn H và Dương Thị C.

Phía Bắc giáp thửa đất 473, kích thước 22,81 m.
Phía Đông giáp đường giao thông, kích thước 28,42 m.
Phía Nam giáp đường giao thông, kích thước 21,49 m.
Phía Tây giáp thửa đất 456, kích thước 30,3 m.

Giá trị đất ở; 61.732.300 đồng;

Giá trị đất vườn: 11.970.000 đồng.

Cộng giá trị đất: 73.702.300 đồng.

-*Về tài sản trên đất*: 01 ngôi nhà hai tầng xây kiên cố, rộng 9m, dài 14,5m; trước nhà có 01 rạp mát.

4. Về án phí: Bà Dương Thị C chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 2.089.885 (hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn tám trăm tám lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.050.000 (sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng bà C đã nộp theo Biên lai số 0002665 ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, bà C đã nộp đủ án phí; bà C được nhận lại số tiền 3.660.115 (ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm mười lăm) đồng. Ông Phan Văn H phải chịu 3.685.115 (ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/01/2024).

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
-Bà Dương Thị C;
-Ông Phan Văn H;
-Ban Tư pháp UBND xã T(Để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân